

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GÓM XD MỸ XUÂN
SỐ 56/CV.GMX-2022**

*V/v: CBTT Báo Cáo Tài Chính
Bán niên 2022 (đã được soát xét)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
-----o0o-----**

Phú Mỹ, Ngày 13 Tháng 08 năm 2022

**Kính Gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
2. Mã Chứng Khóan : GMX
3. Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Suối Nhum – Phường Hắc Dịch – Thị xã Phú Mỹ - Tỉnh BRVT
4. Điện thoại: 02543.893150 Fax: 02543.894168
5. Người thực hiện công bố thông tin : Lư Thị Mai
6. Nội dung của thông tin công bố :

6.1 Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 (đã được soát xét) của Công Ty CP Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân được lập ngày 10/08/2022 bao gồm : BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2 Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh trên 10% so với cùng kỳ năm 2021.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : www.myxuan-vt.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:
-

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Lư Thị Mai

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM
XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (tên giao dịch: My Xuan Brick Tile Pottery and Construction Joint Stock Company) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá xí nghiệp Gạch Ngói Gốm Xây dựng thuộc Công ty Phát triển Khoáng sản 6 theo Quyết định số 168/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000078 ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác đất sét;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mở;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu phố Suối Nhum, P. Hắc Dịch, TX. Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Dư Quốc Trung	Chủ tịch
Ông Ngô Thành Cương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Văn Thái	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên
Bà Phạm Thị Hương Duyên	Thành viên

1388
ÔNG T
NHIỆM
VỤ T
TỈNH K
KIỂM T
AM VI
P. H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty.

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Văn Sơn, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 08 năm 2022



Số: 98-2/BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân được lập ngày 10/08/2022, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty kiểm toán độc lập khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 0114/2022/BCKT-KTV ngày 25 tháng 03 năm 2022 và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được Công ty kiểm toán độc lập khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 0339/2021/BCSX-KTV ngày 12 tháng 08 năm 2021.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phụ Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 13 tháng 08 năm 2022



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.745.142.460	45.194.738.023
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.698.404.479	15.710.227.333
1. Tiền	111		10.698.404.479	10.710.227.333
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	5.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.593.504.214	11.328.383.087
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.413.094.379	2.960.145.083
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	12.022.784.632	6.174.600.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	2.157.625.203	2.193.638.004
III. Hàng tồn kho	140	V.5	15.441.260.267	17.851.290.906
1. Hàng tồn kho	141		15.441.260.267	17.851.290.906
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.973.500	304.836.697
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	11.973.500	304.836.697
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111.441.520.198	111.869.142.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		818.063.892	439.283.513
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	818.063.892	439.283.513
II. Tài sản cố định	220		52.342.728.158	57.173.172.854
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	43.200.991.636	47.262.499.732
- Nguyên giá	222		136.881.178.891	136.331.083.982
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.680.187.255)	(89.068.584.250)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	9.141.736.522	9.910.673.122
- Nguyên giá	228		25.848.986.502	25.848.986.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.707.249.980)	(15.938.313.380)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		55.059.865.513	51.218.329.020
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	55.059.865.513	51.218.329.020
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	2.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.220.862.635	1.038.357.111
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.220.862.635	1.038.357.111
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		163.186.662.658	157.063.880.521



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.817.768.743	50.780.514.493
I. Nợ ngắn hạn	310		44.149.768.743	45.446.514.493
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.527.303.692	7.703.256.157
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.832.096.428	1.392.754.550
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.13	6.501.631.790	3.753.365.067
4. Phải trả người lao động	314		10.659.093.895	7.828.739.489
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.199.616.357	6.307.037.060
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	-	8.157.144.524
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.430.026.581	10.304.217.646
II. Nợ dài hạn	330		4.668.000.000	5.334.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	4.668.000.000	5.334.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.368.893.915	106.283.366.028
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	114.368.893.915	106.283.366.028
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.406.970.000	90.406.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.406.970.000	90.406.970.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(62.460.000)	(62.460.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		888.167.669	468.912.493
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.799.873.734	1.380.618.558
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.336.342.512	14.089.324.977
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.823.901.011	2.160.233.334
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		15.512.441.501	11.929.091.643
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		163.186.662.658	157.063.880.521

Người lập biểu



Lưu Thị Mai

Ngày 10 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng



Trần Thị Cảnh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

1388
ĐĂNG T
HỆM B
VỤ T
NH K
HỆM T
M VII
P. HC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	138.994.185.313	127.102.051.506
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.392.700	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	138.989.792.613	127.102.051.506
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	87.218.302.111	87.672.842.196
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.771.490.502	39.429.209.310
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	71.898.370	262.836.497
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	341.508.332	397.503.769
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		341.508.332	397.503.769
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	16.115.771.569	15.733.486.129
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	8.031.378.035	6.861.299.264
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.354.730.936	16.699.756.645
11. Thu nhập khác	31	VI.9	499	24.230
12. Chi phí khác	32	VI.10	861.716.088	413.077.066
13. Lợi nhuận khác	40		(861.715.589)	(413.052.836)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.493.015.347	16.286.703.809
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	5.530.256.559	3.276.220.587
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.962.758.788	13.010.483.222
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.745	1.888

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lưu Thị Mai

Ngày 10 tháng 08 năm 2022



Trần Thị Cảnh



Nguyễn Văn Sơn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

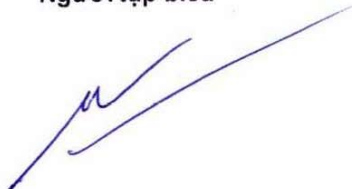
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.493.015.347	16.286.703.809
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.421.835.605	4.864.088.381
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(71.898.370)	(262.836.497)
- Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06	341.508.332	397.503.769
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.184.460.914	21.285.459.462
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.349.275.809)	2.693.335.286
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.410.030.639	(3.272.781.431)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	8.616.175.501	(5.932.963.731)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(182.505.524)	667.455.681
- Tiền lãi vay đã trả	14	(354.445.343)	(379.217.133)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.063.422.677)	(1.751.360.781)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.072.138.616)	(4.695.756.332)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.188.879.085	8.614.171.021
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(10.382.927.402)	(32.866.642.653)
2. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	20.135.870	187.419.830
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.362.791.532)	(32.679.222.823)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	8.260.372.016	23.779.240.439
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(17.083.516.540)	(13.505.504.424)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.014.765.883)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.837.910.407)	10.273.736.015
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.988.177.146	(13.791.315.787)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.710.227.333	31.607.813.374
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17.698.404.479	17.816.497.587

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Văn Sơn

Lưu Thị Mai

Trần Thị Cảnh

Ngày 10 tháng 08 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (tên giao dịch: My Xuan Brick Tile Pottery and Construction Joint Stock Company) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá xí nghiệp Gạch Ngói Gốm Xây dựng thuộc Công ty Phát triển Khoáng sản 6 theo Quyết định số 168/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000078 ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu phố Suối Nhum, P. Hắc Dịch, TX. Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 356 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 361 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác đất sét;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mở;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm 1 trụ sở chính và 1 văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	Số 503 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Trong kỳ Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	05 - 38 năm
- Chi phí thăm dò mỏ sét	10 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

21/06/2022
CÔNG
NHIỆM
VỤ T
KINH B
KIỂM T
AM VI
P. HC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao vô điều kiện của các hợp đồng. Đối với việc chuyển giao có điều kiện, doanh thu chỉ được ghi nhận khi tất cả điều kiện trọng yếu được thỏa mãn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong năm. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**17. Sử dụng các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.
- Chi phí phải trả.
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	2.849.904.000	2.792.706.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.848.500.479	7.917.520.833
Các khoản tương đương tiền (*)	7.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	17.698.404.479	15.710.227.333

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất 2,9%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<u>Bên thứ ba</u>		
Khu vực Tân Thành - Đồng Nai	300.921.682	197.918.690
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh	3.387.450.638	1.454.197.750
Khu vực Đà Lạt	7.952.693	-
Khu vực miền Tây	94.661.460	-
Khu vực Phòng kinh doanh	151.222.263	879.773.843
<u>Bên liên quan</u>		
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	179.715.483	119.715.700
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	291.170.160	6.696.800
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	-	301.842.300
Cộng	4.413.094.379	2.960.145.083

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<u>Bên thứ ba</u>		
Ông Nguyễn Thế Đô - Bà Đoàn Thị Dung	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Tâm Vũ	8.900.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Tổng hợp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	305.000.000	473.000.000
Trả trước cho người bán khác	217.784.632	101.600.000
Cộng	12.022.784.632	6.174.600.000

4. Phải thu khác

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	2.157.625.203	2.193.638.004
Tạm ứng	171.615.801	242.000.000
Lãi tiền gửi dự thu	-	10.833.333
Lãi trái phiếu dự thu	71.241.666	8.645.833
Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án	1.809.000.000	1.809.000.000
Phải thu khác	105.767.736	123.158.838
Phải thu dài hạn khác	818.063.892	439.283.513
Ký quỹ phục hồi môi trường khai thác mỏ	818.063.892	439.283.513
Cộng	2.975.689.095	2.632.921.517

5. Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.571.429.754	-	9.263.473.900	-
Công cụ dụng cụ	251.593.079	-	144.732.160	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.024.693.732	-	2.825.357.996	-
Thành phẩm	4.725.208.352	-	4.525.479.571	-
Hàng hóa	868.335.350	-	1.092.247.279	-
Cộng	15.441.260.267	-	17.851.290.906	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	52.374.575.424	77.594.818.630	5.613.572.928	748.117.000	136.331.083.982
Số tăng trong kỳ	591.390.909	-	-	-	591.390.909
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	591.390.909	-	-	-	591.390.909
Số giảm trong kỳ	-	-	-	41.296.000	41.296.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	41.296.000	41.296.000
Số dư cuối kỳ	52.965.966.333	77.594.818.630	5.613.572.928	706.821.000	136.881.178.891
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	32.774.063.626	51.756.729.400	3.904.441.734	633.349.490	89.068.584.250
Khấu hao trong kỳ	1.526.921.508	2.778.046.377	323.231.100	24.700.020	4.652.899.005
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	41.296.000	41.296.000
Số dư cuối kỳ	34.300.985.134	54.534.775.777	4.227.672.834	616.753.510	93.680.187.255
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	19.600.511.798	25.838.089.230	1.709.131.194	114.767.510	47.262.499.732
Tại ngày cuối kỳ	18.664.981.199	23.060.042.853	1.385.900.094	90.067.490	43.200.991.636

Đơn vị tính: VND

30/06/2022 VND

01/01/2022 VND

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
 Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng hết giá trị, cầm cố đảm bảo các khoản vay

56.155.712.723 VND
 10.419.488.830 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	25.156.961.502	692.025.000	25.848.986.502
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	25.156.961.502	692.025.000	25.848.986.502
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	15.266.913.380	671.400.000	15.938.313.380
Khấu hao trong kỳ	765.186.600	3.750.000	768.936.600
Số dư cuối kỳ	16.032.099.980	675.150.000	16.707.249.980
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9.890.048.122	20.625.000	9.910.673.122
Tại ngày cuối kỳ	9.124.861.522	16.875.000	9.141.736.522

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	2.495.595.904	2.495.595.904
- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:	1.663.884.218	1.682.442.818

8. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Nhà máy Gạch Mỹ Xuân	8.420.878.740	8.284.842.531
Nhà máy Gạch Châu Đức	46.638.986.773	42.933.486.489
Cộng	55.059.865.513	51.218.329.020

9. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

(*) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số trái phiếu Công ty đang sở hữu tại ngày 30/06/2022 là 20.000 trái phiếu (tại ngày 01/01/2022 là 20.000 trái phiếu) với mệnh giá là 100.000 VND/ trái phiếu, có kỳ hạn 6 năm (từ ngày 06/12/2018) và lãi suất là 6,225%/năm cho kỳ tính lãi từ 20/12/2021 đến 20/12/2022).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	16.225.423	52.295.997
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	810.059.232	548.999.514
Chi phí phần mềm	-	1.665.200
Lệ phí quyền khai thác khoáng sản	394.577.980	435.396.400
Cộng	1.220.862.635	1.038.357.111

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<u>Bên thứ ba</u>		
Công ty TNHH BEHNMEYER Việt Nam	327.233.520	-
Công ty TNHH MTV Hùng Vũ	2.620.079.550	-
Công ty TNHH Bao bì giấy Tân Long	272.731.892	260.461.509
Công ty TNHH Cơ khí đúc Thành Đồng	66.297.000	320.529.000
Phải trả người bán khác	758.406.182	1.122.102.001
<u>Bên liên quan</u>		
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	7.264.376.490	6.000.163.647
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	218.179.058	-
Cộng	11.527.303.692	7.703.256.157

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<u>Bên thứ ba</u>		
Khu vực Bà Rịa	20.699.623	-
Khu vực Tân Thành - Đồng Nai	-	9.679.550
Khu vực Đà Lạt	109.030.089	-
Khu vực miền Tây	17.342.337	-
Khu vực Phòng Kinh doanh	895.966.372	1.383.075.000
Văn phòng đại diện Vũng Tàu	17.003.490	-
<u>Bên liên quan</u>		
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	772.054.517	-
Cộng	1.832.096.428	1.392.754.550



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp /cán trừ trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải nộp	3.753.365.067	13.653.517.042	10.905.250.319	6.501.631.790
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.086.039.306	5.612.400.205	4.481.803.899	2.216.635.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.172.940.881	5.530.256.559	4.063.422.677	3.639.774.763
Thuế thu nhập cá nhân	-	572.447.218	421.610.683	150.836.535
Thuế tài nguyên	-	1.321.035.125	1.321.035.125	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	494.384.880	-	-	494.384.880
Các loại thuế khác	-	3.161.280	3.161.280	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	614.216.655	614.216.655	-
Thuế phải thu	304.836.697	292.863.197	-	11.973.500
Thuế xuất, nhập khẩu	11.973.500	-	-	11.973.500
Thuế thu nhập cá nhân	292.863.197	292.863.197	-	-

14. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	304.566.580	44.717.860
Bảo hiểm xã hội	537.016.500	558.973.250
Bảo hiểm y tế	98.194.545	103.012.065
Bảo hiểm thất nghiệp	21.480.660	22.358.930
Phải trả cổ tức, lợi nhuận được chia	223.556.567	5.559.039.100
Phải trả lãi vay	3.069.370	16.006.381
Phải trả khác	11.732.135	2.929.474
Cộng	1.199.616.357	6.307.037.060



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	30/06/2022 VND
Vay ngắn hạn	8.157.144.524	8.260.372.016	16.417.516.540	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Phú Mỹ	3.462.840.952	3.040.434.656	6.503.275.608	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu	4.694.303.572	5.219.937.360	9.914.240.932	-
Vay dài hạn	5.334.000.000	-	666.000.000	4.668.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu (*)	5.334.000.000	-	666.000.000	4.668.000.000
Cộng	13.491.144.524	8.260.372.016	17.083.516.540	4.668.000.000

(*) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu:

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn: Số 01-2020/HDTL/GMX ngày 30 tháng 09 năm 2020

Phụ lục: Số 01-2020/HDTL/GMX/PL01 ngày 12 tháng 05 năm 2021 thay đổi phương thức trả nợ gốc

Số tiền vay: 6.000.000.000 VND

Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân lần đầu tiên

Phương thức cho vay: Cho vay từng lần

Mục đích: Áp dụng lãi suất Chương trình cho vay trung dài hạn VND

Tài trợ cho nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư xây dựng chuyển nhượng - trộn tại địa chỉ Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Quyền sử dụng đất tại Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (khu vực dây chuyền III): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657233 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01-2017-HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.

- Quyền sử dụng đất tại Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và toàn bộ công trình xây dựng thuộc nhà máy Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (khu vực dây chuyền II và công trình thuộc dây chuyền sản xuất ngói xi măng màu không nung): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 657232 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01-2017-HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Quyền khai thác mỏ sét Mỹ Xuân 1, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp Quyền khai thác tài nguyên số 02-2017/HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.
- Máy móc thiết bị thuộc Dây chuyền II, dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III - Nhà máy Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 03-2017/HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017.
- Dây chuyền máy nghiền - trộn tại Nhà máy theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 01-2020/HĐTC MMTB/GMX ngày 30 tháng 9 năm 2020.

16. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND							
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	53.206.940.000	80.284.000	980.400.000	(62.460.000)	13.457.360.940	1.032.882.655	24.956.075.788	93.651.483.383
Tăng vốn từ các quỹ và lợi nhuận trong năm	26.571.860.000	(80.284.000)	(980.400.000)	-	(13.457.360.940)	-	(12.053.815.060)	-
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.628.170.000						(10.628.170.000)	
Lãi trong năm trước					468.912.493	468.912.493	23.445.624.653	23.445.624.653
Trích lập các quỹ							(6.209.719.804)	(5.271.894.818)
Chia cổ tức bằng tiền							(5.420.670.600)	(5.420.670.600)
Truy thu thuế GTGT và thuế TNDN theo Quyết toán thuế						(121.176.590)		(121.176.590)
Số dư cuối năm trước	90.406.970.000	-	-	(62.460.000)	468.912.493	1.380.618.558	14.089.324.977	106.283.366.028
Lãi trong kỳ này					419.255.176	419.255.176	20.962.758.788	20.962.758.788
Trích lập các quỹ							(6.036.457.903)	(5.197.947.551)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2021							(7.679.283.350)	(7.679.283.350)
Số dư cuối kỳ này	90.406.970.000	-	-	(62.460.000)	888.167.669	1.799.873.734	21.336.342.512	114.368.893.915

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	90.406.970.000	53.206.940.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	90.406.970.000	53.206.940.000
Cổ tức đã chia	7.679.283.350	-
- Chia cổ tức bằng tiền	7.679.283.350	-

c) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.040.697	9.040.697
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.040.697	9.040.697
- Cổ phiếu phổ thông	9.040.697	9.040.697
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(6.246)	(6.246)
- Cổ phiếu phổ thông	(6.246)	(6.246)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.034.451	9.034.451
- Cổ phiếu phổ thông	9.034.451	9.034.451

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu gạch ngói đất sét nung	119.327.342.159	106.916.417.710
- Gạch xây tường	60.374.778.867	51.713.388.702
- Sản phẩm trang trí	58.952.563.292	55.203.029.008
Doanh thu ngói xi măng màu	18.890.896.424	18.556.696.066
Doanh thu khác	775.946.730	1.628.937.730
Cộng	138.994.185.313	127.102.051.506

Doanh thu đối với các bên liên quan

Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	3.875.582.218	4.694.565.767
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	268.456.880	769.071.909
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	192.890.520	605.148.226
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Học Minh Thành	16.524.973.813	14.048.681.769



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	4.392.700	-
Cộng	4.392.700	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu thuần gạch ngói đất sét nung	119.322.949.459	106.916.417.710
- Gạch xây tường	60.370.386.167	51.713.388.702
- Sản phẩm trang trí	58.952.563.292	55.203.029.008
Doanh thu thuần ngói xi măng màu	18.890.896.424	18.556.696.066
Doanh thu thuần khác	775.946.730	1.628.937.730
Cộng	138.989.792.613	127.102.051.506
4. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá vốn gạch ngói đất sét nung	69.968.504.742	69.665.282.950
- Gạch xây tường	34.230.249.010	33.235.714.731
- Sản phẩm trang trí	35.738.255.732	36.429.568.219
Giá vốn ngói xi măng màu	16.841.875.245	16.821.526.936
Giá vốn hoạt động khác	407.922.124	1.186.032.310
Cộng	87.218.302.111	87.672.842.196
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	9.302.537	187.419.830
Lãi đầu tư trái phiếu	62.595.833	75.416.667
Cộng	71.898.370	262.836.497
6. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	341.508.332	397.503.769
Cộng	341.508.332	397.503.769



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**7. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.897.088.735	5.345.762.670
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.810.365.010	3.352.586.600
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	298.016.092	322.672.498
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.542.620	80.505.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.991.526.356	6.506.692.041
Chi phí bằng tiền khác	102.232.756	125.266.600
Cộng	16.115.771.569	15.733.486.129

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.408.936.689	5.689.033.342
Chi phí vật liệu quản lý	23.650	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	69.157.735	159.760.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	145.019.460	151.269.480
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	18.918.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.073.108.942	600.350.314
Chi phí bằng tiền khác	332.131.559	241.966.738
Cộng	8.031.378.035	6.861.299.264

9. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Thu nhập khác	499	24.230
Cộng	499	24.230

10. Chi phí khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Các khoản nộp phạt	161.280	82.447.464
Chi phí khác	861.554.808	330.629.602
Cộng	861.716.088	413.077.066

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.493.015.347	16.286.703.809
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	1.158.267.448	94.399.129
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.158.267.448	663.628.426
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	569.229.297
Thu nhập tính thuế	27.651.282.795	16.381.102.938
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.530.256.559	3.276.220.587
12. Lãi trên cổ phiếu	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.962.758.788	13.010.483.222
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(5.197.947.551)	(2.976.163.703)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	(5.197.947.551)	(2.976.163.703)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.764.811.237	10.034.319.519
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.034.451	5.314.448
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.745	1.888
13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.596.845.644	42.544.360.202
Chi phí nhân công	38.018.813.352	35.944.015.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.357.872.505	4.864.088.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.283.700.899	21.770.082.453
Chi phí khác bằng tiền	2.507.283.832	3.381.301.146
Cộng	110.764.516.232	108.503.847.412

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi trái phiếu phải thu trong kỳ	71.241.666	85.833.334
Cổ tức phải trả trong kỳ	50.337.127	-
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ đã thanh toán trong kỳ trước	-	7.067.548.829
Chi phí lãi vay phải trả trong kỳ	3.069.370	18.904.113

2. Các giao dịch bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Cổ tức phải trả kỳ trước đã trả trong kỳ này	5.385.819.660	-
Trả trước người bán mua sắm, xây dựng tài sản	5.950.000.000	3.033.200.000
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ này	16.006.381	617.477

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Vay theo kế ước thông thường	8.260.372.016	23.779.240.439

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(17.083.516.540)	(13.505.504.424)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

521
CỘ
H NH
H VI
CHÍNH
À KIẾ
NAM
TP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Công ty TNHH Xây lắp - Dịch vụ Tân Thịnh	Cùng chủ đầu tư	Thanh toán cho dự án đầu tư Nhận chuyển nhượng một phần dự án đầu tư	- -	9.208.754.000 10.000.000.000
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Cùng chủ đầu tư	Cung cấp hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	3.875.582.218 33.648.641.666	4.694.565.767 33.439.030.838
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	Cùng chủ đầu tư	Cung cấp hàng hóa Mua hàng hóa	192.890.520 1.703.542.562	605.148.226 2.234.983.131
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	Cùng chủ đầu tư	Cung cấp hàng hóa	268.456.880	769.071.909
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Học Minh Thành	Cùng chủ đầu tư	Cung cấp hàng hóa	16.524.973.813	14.048.681.769

Tại ngày 30/06/2022, Các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Cùng chủ đầu tư	Phải thu/(trả trước) tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	(592.339.034)	119.715.700
		Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ	7.264.376.490	6.000.163.647
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	Cùng chủ đầu tư	Phải thu tiền bán hàng	-	301.842.300
		Phải trả tiền mua hàng hóa	218.179.058	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	Cùng chủ đầu tư	Phải thu tiền bán hàng	291.170.160	6.696.800
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Học Minh Thành	Cùng chủ đầu tư	Phải thu/(trả trước) tiền bán hàng	(17.003.490)	-

384
CÔNG TY
M HỮU
TƯ V
KẾ T
M TOA
VIỆT
HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong năm như sau:

		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
		VND	VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Dư Quốc Trung	Chủ tịch	88.000.000	72.000.000
Ông Ngô Thành Cương	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát			
Ông Hoàng Văn Thái	Trưởng ban	42.000.000	42.000.000
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên	42.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Hương Duyên	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Lương, thưởng và phúc lợi khác		989.401.273	825.554.336
Những người quản lý khác			
Lương, thưởng và phúc lợi khác		1.229.587.497	900.222.784

3. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất gạch, ngói các loại và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Doanh thu và giá vốn đã được thuyết minh tại VI.1 và VI.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam và không có khoản đầu tư nào ra nước ngoài, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt kiểm toán và soát xét.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Lưu Thị Mai

Ngày 10 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng



Trần Thị Cảnh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

N.H.H

*“V/v : giải trình biến động trên 10% kết quả
kinh doanh bán niên 2022 so với cùng kỳ 2021 ”*

**Kính Gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân xin giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh tại thời điểm 6TĐN năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	6TĐN/2022	6TĐN/2021	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	138.989.792.613	127.102.051.506	11.887.741.107	9,35%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.493.015.347	16.286.703.809	10.206.311.538	62,67%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập	20.962.758.788	13.010.483.222	7.952.275.566	61,12%

Lợi nhuận sau thuế tại kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2022 của công ty tăng 61,12% so với cùng kỳ năm 2021 là do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu trong kỳ 6TĐN 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021 là 9,35% do sản lượng tiêu thụ nhóm sản phẩm Gạch xây tường và sản lượng sản phẩm trang trí tăng cao.

- Việc áp dụng cơ giới hóa; Robot vào các công đoạn sản xuất ngày càng cao làm tăng năng suất lao động và kiểm soát tốt chi phí sản xuất kinh doanh làm tăng lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Với nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB.CNV, Công ty chúng tôi sẽ ra sức tiết kiệm chi phí và vận dụng tối đa mọi nguồn lực để hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân về Kết quả kinh doanh bán niên 2022 biến động trên 10% so với cùng kỳ năm 2021.

Xin trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên
- Văn thư
- Phòng TCKT

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN VĂN SƠN